

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁT HẢI  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST  
Ngày 24-6-2020  
V/v kiện đòi tài sản (nhà và đất)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Hồng Biên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Văn Tiều

Ông Hoàng Văn Lợi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Huy Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc Kiện đòi tài sản (nhà và đất) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

Ông Đỗ Văn G; cư trú tại: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Bị đơn:**

Bà Lê Thanh H; cư trú tại: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đỗ Thị T1; cư trú tại: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Ông Nguyễn Trọng H; cư trú tại: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Người làm chứng:**

Bà Trần Thị T2; cư trú tại: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ghi ngày 15-12-2019, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đỗ Văn G trình bày:*

Ông có thửa đất số 149, tờ bản đồ số 32 gắn liền với nhà ở tại số 148, đường Hà Sen, tổ dân phố 5, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi tên Đỗ Văn G và vợ là Đỗ Thị T1 được Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải cấp ngày 03-5-2017, số vào sổ cấp GCN: CH01708). Ngày 24-7-2017, ông có ký Hợp đồng cho bà Trần Thị T2 thuê nhà. Nội dung hợp đồng như sau: Ông Đỗ Văn G cho bà Trần Thị T2 thuê ngôi nhà gắn liền với thửa đất nói trên, thời hạn thuê 12 tháng, kể từ ngày 24-7-2017 đến ngày 24-7-2018 mỗi tháng thuê là 3.000.000 đồng x 12 tháng = 36.000.000 đồng các bên đã thanh toán xong tiền thuê nhà. Trước khi kết thúc Hợp đồng 01 tháng, hai bên sẽ tính toán nếu tiếp tục thuê thì sẽ gia hạn, nếu không thuê sẽ kết thúc Hợp đồng.

Trong khoảng thời gian 02 tháng kể từ ngày ông và bà T2 ký Hợp đồng thuê nhà, bà Lê Thanh H có hỏi ông để thuê nhà, nhưng ông trả lời đã cho bà T2 thuê rồi, nếu bà muốn thuê để kinh doanh thì trao đổi với bà T2. Đến ngày 28-9-2017, bà T2 ký thỏa thuận với bà H cho thuê lại  $\frac{3}{4}$  diện tích ngôi nhà nói trên để kinh doanh hàng ăn. Khi được bà T2 cho thuê lại, bà H có tháo dỡ, sửa chữa ngôi nhà làm nơi kinh doanh nhưng không hỏi ý kiến ông. Khi hết thời hạn cho thuê nhà với bà T2, ông gặp bà T2 hỏi có thuê nữa hay không, bà T2 trả lời không thuê nữa. Hiện tại Hợp đồng thuê nhà giữa ông và bà T2 đã kết thúc và không còn liên quan gì.

Sau khi kết thúc việc thuê nhà giữa ông và bà T2, ông có thỏa thuận bằng miệng với bà Lê Thanh H cho thuê đến hết ngày 31-12-2018 và bà H đã thanh toán xong số tiền thuê nhà cho ông. Khi hết thời hạn, ông nhiều lần yêu cầu bà H trả lại nhà cho thuê nhưng bà H không trả, vì vậy ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu bà H trả lại tài sản là nhà ở gắn liền với đất.

Tại phiên tòa, ông G vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu bà H trả lại cho ông nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 32, địa chỉ nhà và đất: Số 148, đường Hà Sen, tổ dân phố 5, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

*Bản tự khai của đương sự ghi ngày 12-02-2020, biên bản hòa giải ghi ngày 04-3-2020 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Lê Thanh H trình bày:*

Do nhu cầu kinh doanh hàng ăn, bà tìm đến địa chỉ số 148, tổ dân phố 5 để thuê nhà, diện tích nhà bằng  $\frac{1}{3}$  diện tích đất. Bà đã gặp ông Đỗ Văn G và bà Đỗ Thị T1 là chủ nhà đất, tuy nhiên nhà và đất trên đã cho bà Trần Thị T2 thuê, nên ông G hướng dẫn bà đến gặp bà T2 để thỏa thuận cùng thuê nhà. Bà và bà T2 cùng

thỏa thuận việc thuê lại một phần ngôi nhà để kinh doanh, số tiền của hợp đồng thuê giữa bà và bà T2 đã thanh toán đầy đủ với nhau, hiện tại bà T2 không còn liên quan gì nữa. Do ngôi nhà đã xuống cấp không đủ điều kiện kinh doanh hàng ăn, vì vậy bà đã gặp trực tiếp và xin phép đầu tư xây dựng mới lại ngôi nhà. Ông G đồng ý và tạo điều kiện cho bà thuê nhà trong thời gian dài để thu hồi vốn đầu tư. Do có sự quen biết với chồng bà là ông Nguyễn Trọng H cho nên giữa bà và ông G chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau. Khi Hợp đồng thuê nhà giữa ông G và bà T2 hết hạn, vợ chồng bà đến nhà ông G xin ký hợp đồng thuê nhà nhưng ông G không ký và hứa đến tháng 01-2019 sẽ ký. Từ tháng 7-2018 đến tháng 12-2018, bà đã thanh toán đầy đủ số tiền thuê nhà cho ông G. Đến ngày 25-12-2018, ông G yêu cầu bà trả lại nhà đã thuê nhưng không nói gì đến việc bồi thường chi phí sửa chữa ngôi nhà và chỉ nói biểu lại bà 30.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý nên không trả lại ngôi nhà nói trên. Quan điểm của bà, nếu ông G lấy nhà thì phải thanh toán cho bà số tiền 350.000.000 đồng là tiền bà đã bỏ ra sửa chữa ngôi nhà. Ngày 18-3-2020, bà có đơn yêu cầu phản tố và Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng bà không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên Tòa án đã trả lại đơn yêu cầu phản tố.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bản tự khai của đương sự ghi ngày 26-02-2020, biên bản hòa giải ghi ngày 04/3/2020 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị T1 (vợ ông Đỗ Văn G) trình bày: Bà nhất trí với những lời trình bày của ông G, vợ chồng bà chỉ yêu cầu bà Lê Thanh H trả lại nhà đất để gia đình bà xây dựng lại ngôi nhà.

Biên bản hòa giải ghi ngày 04-3-2020 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trọng H (chồng bà Lê Thanh H), trình bày: Khi vợ ông hợp đồng thuê nhà và sửa nhà, ông không biết, đến khi thực hiện gần xong hợp đồng bằng miệng giữa vợ ông và ông G, vợ chồng ông có đến nhà ông G để ký hợp đồng thuê nhà lâu dài, tuy nhiên ông G không đồng ý mà chỉ ký hợp đồng đến hết tháng 12-2019 và sau đó sẽ thỏa thuận ký từng năm, tiền thuê nhà do 02 bên tự thỏa thuận. Đến cuối tháng 12-2018, ông G gọi điện cho ông nói với vợ ông là bà H trả lại nhà cho ông G, vì vợ chồng ông G đã hết hạn thuê khách sạn để làm ăn. Quan điểm của ông là đồng ý trả lại nhà cho vợ chồng ông G, tuy nhiên ông G phải thanh toán cho vợ ông số tiền đầu tư, sửa chữa xây dựng là 350.000.000 đồng.

*Người làm chứng:*

Bản tự khai của đương sự ghi ngày 12-02-2020, biên bản hòa giải ghi ngày 04-3-2020 và tại phiên tòa, người làm chứng là bà Trần Thị T2 trình bày: Bà và ông G ký Hợp đồng thuê nhà số 148 đường Hà Sen, tổ dân phố 5, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải để làm nơi bán hàng thời hạn là 01 năm kể từ ngày 24-7-2017 đến ngày 24-7-2018. Trong thời gian bà thuê, bà H có đến và đề nghị cho thuê lại một phần diện tích nhà để làm nơi bán hàng. Bà đồng ý cho thuê lại, việc này ông G có biết, thời hạn thuê từ tháng 10-2017 đến ngày 24-7-2018. Sau khi bà và bà H thỏa thuận thuê nhà xong thì khoảng đầu tháng 10-2017, bà H sửa chữa, cải tạo lại ngôi nhà và ông G đều biết nhưng không có ý kiến gì. Hết thời hạn Hợp đồng thuê nhà

giữa bà, ông G đã được thanh lý và không có tranh chấp gì. Sau khi Hợp đồng giữa bà và ông G kết thúc, bà H có thỏa thuận miệng với ông G thuê lại hết năm 2018, còn bà thuê lại của bà H 03 tháng với giá 2.000.000 đồng mỗi tháng, đến tháng 11-2018 bà không thuê nữa. Việc thỏa thuận giữa ông G với bà H như thế nào bà không biết, đến nay giữa bà với ông G và bà H không còn liên quan, vướng mắc tranh chấp gì.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự như sau:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã tuân thủ nghiêm chỉnh các yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Ngày 03-5-2017, Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01708 đối với thửa đất số 149, tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 5, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận ghi tên ông Đỗ Văn G và vợ là Đỗ Thị T1. Ngày 24-7-2017, ông Đỗ Văn G (nguyên đơn) cho bà Trần Thị T2 thuê nhà trên thửa đất trên, đến tháng 10-2017 được sự đồng ý của ông G, bà T2 cho bà Lê Thanh H (bị đơn) thuê lại một phần diện tích ngôi nhà tại địa chỉ trên. Ngày 24-7-2018, nguyên đơn thỏa thuận cho bị đơn thuê lại ngôi nhà trên đến hết ngày 31-12-2018. Nhận thấy có căn cứ khẳng định nhà và đất nêu trên là của nguyên đơn, trong biên bản hòa giải ngày 04-3-2020 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người làm chứng Trần Thị T2 đều xác nhận tài sản này là tài sản hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đồng ý trả lại nhà và đất cho nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả số tiền 350.000.000 đồng là tiền để sửa chữa, tôn tạo trong quá trình thuê nhà. Đơn yêu cầu phản tố ghi ngày 18-3-2020, ngày 19-3-2020 Tòa án thông báo cho bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, tuy nhiên bị đơn không nộp tiền tạm ứng án phí, vì vậy Tòa án đã ra thông báo trả lại đơn yêu cầu phản tố nên không có căn cứ để xem xét trong vụ án này, bị đơn có quyền khởi kiện lại bằng vụ án khác.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 46; điểm d khoản 1 Điều 192 và Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 579 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn phải trả lại tài sản cho nguyên đơn là đất tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 32 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH01708 và nhà tại địa chỉ số 148, đường Hà Sen, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, hoàn trả lại nguyên đơn 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án về Tranh chấp kiện đòi tài sản (đất và nhà); đối tượng tranh chấp là bất động sản gồm có nhà gắn với thửa đất số 149, tờ bản đồ số 32, địa chỉ nhà đất: Tổ dân phố 5, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

[2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Ông Đỗ Văn G là người đứng đơn khởi kiện, đòi lại nhà và đất đối với bà Lê Thanh H; cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên với ông G có bà Đỗ Thị T1; trên thửa đất nêu trên, bà Lê Thanh H và ông Nguyễn Trọng H cùng đầu tư xây dựng nhà. Căn cứ khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định: Nguyên đơn là ông Đỗ Văn G, bị đơn là bà Lê Thanh H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị T1 và ông Nguyễn Trọng H.

[3] Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho các đương sự. Trong quá trình giải quyết, các đương sự đều có bản tự khai; sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; đến ngày 18-3-2020, bà Lê Thanh H có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, tuy nhiên bà H không nộp tiền tạm ứng án phí theo luật định, do vậy, Tòa án đã có thông báo trả lại đơn yêu cầu phản tố cho bà H.

[4] Về nội dung vụ án: Sau khi hợp đồng thuê nhà giữa Ông Đỗ Văn G và bà Trần Thị T2 kết thúc ngày 24-7-2018, thì bà Lê Thanh H thỏa thuận với ông Đỗ Văn G tiếp tục thuê nhà để kinh doanh, thời gian thuê cho đến hết ngày 31-12-2018. Số tiền thuê nhà, hai bên đã thanh toán đầy đủ không có tranh chấp gì. Đến hết ngày 31-12-2018, ông G yêu cầu bà H trả lại nhà và không cho bà H thuê. Bà H đồng ý trả lại nhà và đất cho ông G, nhưng yêu cầu ông G phải thanh toán toàn bộ số tiền mà bà H đã bỏ ra để sửa chữa, cải tạo và xây nhà, ông G chỉ chấp nhận trả

một phần trong tổng số tiền bà H yêu cầu, bà H không đồng ý nên không giao trả lại nhà và đất cho ông G.

[5] Xét yêu cầu đòi lại nhà và đất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đỗ Văn G và bà Lê Thanh H đều thừa nhận hai bên có thỏa thuận bằng miệng nhưng không lập văn bản, ông G đồng ý cho bà H thuê nhà, đất để kinh doanh hàng ăn, thời hạn thuê đến hết ngày 31-12-2018. Trong thời hạn thuê nhà, bà H đã thanh toán đầy đủ số tiền cho ông G và được ông G xác nhận. Tuy nhiên, đến hết ngày 31-12-2018 ông G yêu cầu bà H phải trả lại nhà và đất đã thuê, bà H đồng ý nhưng với điều kiện ông G phải thanh toán toàn bộ số tiền mà bà H đã bỏ ra để sửa chữa, cải tạo xây nhà, ông G chỉ chấp nhận trả một phần trong tổng số tiền bà H yêu cầu, bà H không đồng ý nên không giao trả lại nhà và đất cho ông G, đồng thời bà H có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, tuy nhiên bà H không nộp tiền tạm ứng án phí theo luật định, Tòa án đã ra thông báo trả lại đơn yêu cầu phản tố cho bà H. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của bà H trong vụ án này, nếu bà H vẫn có yêu cầu ông G phải thanh toán toàn bộ số tiền mà bà đã bỏ ra để sửa chữa, cải tạo xây nhà thì bà H có quyền làm đơn khởi kiện giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Lê Thanh H phải trả lại ngôi nhà gắn với thửa đất số 149, tờ bản đồ số 32, địa chỉ nhà đất: Tổ dân phố 5, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng cho ông Đỗ Văn G.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn tự chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và không yêu cầu Tòa án xem xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn là bà Lê Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là ông Đỗ Văn G được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 68; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 166, Điều 266 và khoản 1 Điều 579 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lê Thanh H phải trả cho ông Đỗ Văn G ngôi nhà nằm trên thửa đất số 149, tờ bản đồ số 32, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất ghi tên Đỗ Văn G và vợ là Đỗ Thị T1 được Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 03-5-2017, số vào sổ cấp GCN: CH01708, tại số nhà 148, đường Hà Sen, tổ dân phố 5, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí:

Bị đơn là bà Lê Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng;

Trả lại ông Đỗ Văn G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003556 ngày 24-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Hồng Biên**

